

Bản án số 50/2017/DSPT
Ngày 30/8/2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Lan Phương

Các Thẩm phán: Ông Lê Đình Thanh
Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Bà Vũ Thị Bích Thủy- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2017/DSPT ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị Thanh H, sinh năm 1975.

Trú tại thôn 8, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Mai Thị K, sinh năm 1953.

Ông Phạm Văn C, sinh năm 1954 (chồng bà K).

Trú tại thôn Đ, xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1962

Trú tại thôn 8, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hoá, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và theo bản tự khai, nguyên đơn - chị Mai Thị Thanh H trình bày :***

Do có quan hệ từ trước, vào ngày 08/12/2016, chị có cho bà Mai Thị K vay số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), hẹn trả 15 ngày kể từ ngày vay.

Ngày 09/4/2017, chị tiếp tục cho bà Mai Thị K và ông Phạm Văn C vay số tiền 841.0000.000đ (tám trăm bốn mươi một triệu đồng), bà K tự nguyện thanh toán làm 02 lần cụ thể: lần 1 vào ngày 30/4/2017 trả 50% số tiền vay của 841.0000.000đ (tám trăm bốn mươi một triệu đồng) và trả hết số tiền vay 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), tổng cộng là 530.500.000đ (năm trăm ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Lần 2 trả vào ngày 30/5/2017 số tiền còn lại của 841.0000.000đ (tám trăm bốn mươi một triệu đồng) là 420.500.000đ (bốn trăm hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Trong giấy vay tiền trên bà K, ông C còn cam kết: nếu bà K, ông C không trả được tiền cho chị thì ông bà tình nguyện bàn giao nhà và sổ đỏ mang tên ông Phạm Văn C cho chị. Đến hạn thanh toán lần đầu, chị liên hệ bà K, ông C nhưng ông bà luôn tìm cách lánh mặt, không trả tiền cho chị. Hiện tại bà K, ông C chưa trả cho chị một đồng tiền gốc nào, nay chị yêu cầu bà K, ông C phải thanh toán cho chị số tiền 951.000.000đ (chín trăm năm mươi một triệu đồng), chị không yêu cầu bà K, ông C phải thanh toán cho chị số tiền lãi trên nợ gốc.

** Bị đơn bà Mai Thị K trình bày:*

Vào ngày 08/12/2016, bà có vay của chị H số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng); lần 2 bà tiếp tục vay của chị H số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) vào ngày 14/11/2016 (âm lịch); lần 3 bà vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) vào ngày 17/11/2016 (âm lịch); lần 4 bà vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) vào ngày 25/12/2016 (âm lịch); lần 5 bà vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) bà không nhớ rõ ngày, lần 6 bà vay 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) vào ngày 08/02/2017 (âm lịch). Tổng cộng 6 lần vay là 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng), bà đã trả cho chị H ngày 28/01/2017 (âm lịch) được 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), như vậy bà chỉ còn nợ chị H số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Ngày 09/4/2017, chị H ép bà và chồng bà là ông C phải viết giấy vay tiền số tiền là 841.000.000đ (tám trăm bốn mươi một triệu đồng), bà hỏi tại sao chị H nói lãi cộng vào gốc tính 5%/ngày. Trong giấy vay số tiền 841.000.000đ (tám trăm bốn mươi một triệu đồng) đã cộng số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) của lần vay đầu tiên nhưng chị H không hủy đi mà cộng thêm lần nữa, nên mới lên tới 951.000.000đ (chín trăm năm mươi một triệu đồng), thực tế vợ chồng bà chỉ còn nợ chị H số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Vợ chồng bà sẽ trả 03 lần cụ thể như sau: lần 1 ngày 17/6/2017 trả 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); lần 02 ngày 17/7/2017 trả 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); lần 03 ngày 17/8/2017 trả 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Ông C cũng nhất trí như trình bày của bà K như trên.

Chị H thừa nhận bà K có trả cho chị số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) nhưng đây là số tiền bà vay nóng ngoài số tiền 951.000.000đ (chín trăm năm mươi

một triệu đồng), ông C bà K trình bày chị ép ông bà viết giấy và cộng số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) làm 02 lần nhưng chị không thừa nhận, chị yêu cầu ông bà phải trả cho chị số tiền như đơn khởi kiện; ông C, bà K thừa nhận chỉ còn nợ chị số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và sẽ thanh toán cho chị làm 03 lần như trên nhưng chị không nhất trí.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện S, Áp dụng Điều 463,466 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH-XIV ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội qui định về Án phí lệ phí Toà án.

Chấp nhận khởi kiện của Chị Mai Thị Thanh H buộc bà Mai Thị K và ông Phạm Văn C phải trả cho chị Mai thị Thanh H số tiền là 951.000.000đ (chín trăm năm một triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, biện pháp đảm bảo thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 12/7/2017, bà Mai Thị K và ông Phạm Văn C có đơn kháng cáo với nội dung: Vợ chồng ông vay tiền của cô H tổng số tiền là: 540.000.000đ đã trả 40.000.000đ nay còn nợ cô H 500.000.000đ. Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của toà án nhân dân huyện S buộc ông bà phải trả cho chị H là 951.000.000đ (chín trăm năm một triệu đồng) là không đúng đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại.

Đại diện VKS phát biểu: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của toà án nhân dân huyện S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, xét kháng cáo của bà Mai Thị K và ông Phạm Văn C thấy rằng: Tại hồ sơ thể hiện: giấy vay tiền đề ngày 08/12/2016, bà K vay của chị H số tiền là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng); giấy vay tiền đề ngày 09/4/2017, bà K, ông C vay của chị H số tiền là 841.000.000 (tám trăm bốn mươi một triệu đồng), hạn trả lần 1 là

ngày 30/4/2017, hạn trả lần 2 vào ngày 30/5/2017. Chị H khởi kiện ngày 11/5/2017, khi chưa đến hạn cam kết trả nợ lần 2, nhưng bà K, ông C đã vi phạm cam kết trả nợ lần 1 vào ngày 30/4/2017. Việc vay nợ này không có lãi, đến ngày xét xử phúc thẩm ông C và bà K chưa trả tiền cho chị H nên cấp phúc thẩm chấp nhận để xem xét.

[2]. Bà K, ông C trình bày: số tiền ông bà vay của chị H lần đầu vào ngày 08/12/2016 là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), giấy vay tiền này do bà K ký người vay; Giấy vay tiền đề ngày 09/4/2017, số tiền 841.000.000 (tám trăm bốn mươi một triệu đồng), ông C và bà K ký người vay. Giấy vay này do chị H đã cộng dồn cả số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) nên mới lên 951.000.000đ (chín trăm năm mươi một triệu đồng) và do chị H ép bà viết giấy này. Xét thấy: bà K, ông C vay của chị H 02 lần tiền, ghi làm 02 giấy vay tiền cụ thể: lần 01 vào ngày 08/12/2016 vay 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) giấy vay này do bà K ký ở mục người vay; lần 02 vào ngày 09/4/2017 vay 841.000.000 (tám trăm bốn mươi một triệu đồng) giấy vay này do bà K, ông C ký ở mục người vay, tổng số tiền cả 02 lần là 951.000.000đ (chín trăm năm mươi một triệu đồng). Quá trình thu thập chứng cứ bà K, ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền trên là lãi cộng vào gốc và do chị H ép; chị H không thừa nhận việc ông C bà K trình bày chị cộng gốc vào lãi và ép ông C bà K. Tại phiên toà phúc thẩm chị Nguyễn Thị Thu trình bày có biết việc bà K trả tiền cho chị H nhưng số tiền bao nhiêu và tiền gì chị không biết, do vậy việc trình bày trên của bà K, ông C là không có căn cứ.

[3]. Ông C, bà K cho rằng ông bà vay tiền của chị H là 06 lần, tổng số tiền là 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng), đã trả cho chị H được 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng), chỉ còn nợ chị H 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Chị H thừa nhận bà K, ông C đã thanh toán cho chị 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng) là số tiền vay khác, không nằm trong số tiền chị khởi kiện. Xét thấy việc trình bày trên của bà K, ông C là không phù hợp vì: ông bà khai tổng 06 lần vay, bà K, ông C không xuất trình được thêm chứng cứ chứng minh cho 06 lần vay của mình. Do đó cấp sơ thẩm buộc bà Mai Thị K, ông Phạm Văn C phải trả cho chị Mai Thị Thanh H số tiền là 951.000.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm bà K và ông C xuất trình thẻ ghi âm chị H ép bà viết giấy vay tiền. Toà đã tạm ngưng phiên toà để bà K xuất trình chứng cứ và làm thủ tục để giám định nhưng bà K không xuất trình được chứng cứ và nộp tiền để giám định nên bà K không đưa thêm được chứng cứ gì chứng minh cho việc kháng cáo của mình, không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị K và ông Phạm Văn C.

Về án phí dân sự phúc thẩm do bà K, ông C kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 của toà án nhân dân huyện S.

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH-XIV ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về Án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận khởi kiện của Chị Mai Thị Thanh H buộc bà Mai Thị K và ông Phạm Văn C phải trả cho chị Mai Thị Thanh H số tiền là 951.000.000đ (chín trăm năm một triệu đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm : bà Mai Thị K và ông Phạm Văn C phải chịu 300.000đ, được trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004524 ngày 14/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự S Sơn.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Tỉnh Thanh Hoá;
- Toà án nhân dân huyện S;
- Chi cục THA DS S;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Lan Phương